TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN F
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 32/2019/QĐST-HNGĐ

F, ngày 08 tháng 4 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 198/2018/TLST-HNGĐ ngày 13/12/2018, giữa:

Nguyên đơn: Chị Trương Thị **A** – Sinh năm 1988
Nơi ĐKNKTT: Thôn **C**, xã **D**, huyện **F**, tỉnh Thanh Hóa.

Chổ ở hiện nay: Làng **B**, xã **E**, huyện **F**, tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn: Anh Phạm Văn **G** – Sinh năm 1988
Địa chỉ: Thôn **C**, xã **D**, huyện **F**, tỉnh Thanh Hóa.

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213, khoản 4 Điều 147 của BLTTDS năm 2015;

Căn cứ vào Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 Luật hôn HNGĐ năm 2014;

Căn cứ vào khoản 7 Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 29 tháng 3 năm 2019

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 29 tháng 3 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Chị Trương Thị **A** – Sinh năm 1988
Nơi ĐKNKTT: Thôn **C**, xã **D**, huyện **F**, tỉnh Thanh Hóa.

Chổ ở hiện nay: Làng **B**, xã **E**, huyện **F**, tỉnh Thanh Hóa.

Anh Phạm Văn **G** – Sinh năm 1988
Địa chỉ: Thôn **C**, xã **D**, huyện **F**, tỉnh Thanh Hóa.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn của Chị Trương Thị **A** và anh Phạm Văn **G**.

Về con chung: Chị Trương Thị **A** trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phạm Minh **H** – Sinh ngày 23/12/2009 là con chung của anh **G**, chị **A**. Anh **G** không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Anh **G** có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở, ngăn cấm.

Về án phí: Chị Trương Thị **A** chịu án phí dân sự sơ thẩm là 150.000đ *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)*, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị đã nộp là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai số AA/2016/0002250 ngày 06/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện **F**, tỉnh Thanh Hóa. Chị **A** được nhận lại 150.000đ tiền tạm ứng án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- UBND xã **D**;
- VKSND huyện **F**;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lê Ngọc Lâm